

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-PT

Ngày 11 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành.

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thảo

Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn S, Đinh Thị L, Hoàng Khắc T1, Vũ Xuân H, Tô Xuân Q, Vũ Văn H1, Ngô Trường B, Trần Văn T2, Đỗ Đức T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Văn C, Trần Triệu H3, Phan Văn D do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Đức T3 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2018/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Đỗ Văn S, sinh năm 1966; nơi cư trú xóm 1x, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đỗ Đình Đ và bà Phạm Thị M; có vợ Trần Thị H và 03 con; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam từ ngày 04/10/2017 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú xóm x, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam;

tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị N; chưa có vợ; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam từ ngày 04/10/2017 đến nay (có mặt).

3. Ngô Trường Bấy, sinh năm 1988; nơi cư trú xóm x, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Ngô Trần D và bà Phạm Thị V; có vợ là Trần Thị H, có 1 con; không có tiền án, tiền sự.

Lịch sử bản thân: Ngày 28/02/2014 Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc", đã chấp hành xong ngày 28/02/2014.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam ngày 04/10/2017 đến nay (có mặt).

4. Vũ Văn H1, sinh năm 1986; nơi cư trú xóm x, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo Đạo Thiên Chúa; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Trần Thị T; vợ là Đinh Thị H, có 2 con; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam từ ngày 04/10/2017 đến nay (có mặt).

5. Trần Văn T2, sinh năm 1992; nơi cư trú xóm x, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo Công giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Vũ Thị T; chưa có vợ; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam ngày 04/10/2017 đến nay (có mặt).

6. Tô Xuân Q, sinh năm 1991; nơi cư trú xóm x, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Tô Văn N và bà Phạm Thị V; chưa có vợ; không có tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2017 đến nay (có mặt).

7. Đỗ Đức T3, sinh năm 1991; nơi cư trú xóm x, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp nhân viên y tế học đường; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh H; có vợ là Nguyễn Hà X và 02 con; không có tiền án, có 01 tiền sự ngày 14/6/2017 Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc", đã chấp hành xong ngày 15/6/2017; bị tạm giữ ngày 29/9/2017

chuyển tạm giam ngày 04/10/2017 đến ngày 16/12/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" (có mặt).

8. Bùi Thị H2, sinh năm 1982; nơi cư trú xóm 1x, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc Kinh; giới tính Nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Lê Thị D; có chồng là Đoàn Giang N (đã ly hôn), không có con; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam từ ngày 04/10/2017, đến ngày 16/12/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" (có mặt).

9. Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; nơi cư trú xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo Công giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị C; có vợ là Nguyễn Thị V và 02 con; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam ngày 04/10/2017 đến nay (có mặt).

10. Trần Triệu H3, sinh năm 1990; nơi cư trú xóm x, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Tiến L và bà Vũ Thị L; có vợ là Tống Thị M, có 1 con; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam ngày 04/10/2017 đến nay (có mặt).

11. Phan Văn D, sinh năm 1990; nơi cư trú xóm 1x, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo Công giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ; không có tiền án, tiền sự; lịch sử bản thân ngày 10/4/2015 bị Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng", đã chấp hành xong ngày 20/5/2015; bị tạm giữ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam ngày 04/10/2017 đến nay (có mặt).

12. Vũ Xuân H, sinh năm 1980; nơi cư trú số 3/7xx, đường T, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Xuân M và bà Hoàng Thị T; có vợ là Vũ Thị Xuân T và 02 con; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam ngày 04/10/2017 đến ngày 29/4/2018 được trả tự do, bị cáo tại ngoại (có mặt).

13. Hoàng Khắc T1, sinh năm 1984; nơi cư trú xóm 1x, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc kinh; giới tính

Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hoàng Khắc T và bà Trần Thị L; có vợ là Trần Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ ngày 20/12/2017 chuyển tạm giam ngày 24/12/2017 đến ngày 20/5/2018 được trả tự do, bị cáo tại ngoại (có mặt).

14. Đinh Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú xóm x, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 8/12; dân tộc Kinh; giới tính Nữ; tôn giáo Công giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Đinh Văn H và bà Nguyễn Thị N; có chồng là Trần Văn T và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh ngày 24/02/2014; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ từ ngày 29/9/2017 đến ngày 04/10/2017 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Ngoài ra trong vụ án còn có 03 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.(Không triệu tập).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.(Không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28/9/2017, Nguyễn Văn H4 đi xe máy đến nhà Đỗ Văn S ở xóm 1x, xã Q hỏi S cho mượn địa điểm để chơi bạc, S đồng ý, sau đó H4 gặp Vũ Văn H1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H5 ở quán bi a nhà ông H6, H4 nói với H1 có đánh bạc thì đến nhà S, sau đó H4 bảo H5 đi mua nước, thuốc lá và lấy băng vị ở nhà H4 để phục vụ cho việc đánh bạc. Trước đó H1 đã gọi điện hỏi Tô Xuân Q về việc đánh bạc và điện rủ Vũ Xuân H đi đánh bạc, khi này H đang đi cùng chị Bùi Thị H. Khi H4 chuẩn bị ra nhà S thì T xin đi, H4 đồng ý và nhờ T đi để cảnh giới, đồng thời thông báo địa điểm đánh bạc cho Trần Triệu H3.

Trước đó Tô Xuân Q điện cho Đoàn Văn D bảo Đoàn Văn D rủ thêm người đi đánh bạc, Đoàn Văn D đã rủ Bùi Văn Đ và Nguyễn Văn C cùng tham gia, đồng thời gọi điện rủ Đinh Thị L và Đỗ Đức T3; T3 nhất trí và điện rủ Trần Văn T2, lúc này T2 đang ở cùng Phan Văn D nên Phan D xin T2 cùng tham gia.

Khi tất cả các đối tượng trên tập trung ở đoạn đường QL10 thuộc xóm 1x, xã Q thì H4 và T4 dùng xe mô tô chở và hướng dẫn đường đến địa điểm đánh bạc. Cũng lúc này H5 chở H1 đến nhà H4 lấy băng vị và H1 điện nói nơi đánh bạc cho cho Trần

Văn T, sau đó cùng đến nhà S, tại đây khi đó còn có Trần Quý P, Trần Văn G, Ngô Trường B. H4 bảo T4 lên mái nhà để cảnh giới, S lấy chiếu, đĩa bát, còn Đoàn D cắt quân vị từ vỏ bao thuốc lá để làm công cụ đánh xóc đĩa ăn tiền. Cách chơi xóc đĩa là người xóc cái sử dụng 04 quân vị mỗi quân có 01 mặt trắng, 01 mặt vàng bỏ trên đĩa rồi úp bát lên trên, sau đó dùng tay cầm bát, đĩa xóc lên xuống nhiều lần cho các quân vị thay đổi so với vị trí ban đầu và đặt xuống chiếu, tiếp đó những người tham gia chơi đặt tiền theo cửa chẵn hoặc cửa lẻ, khi đặt tiền xong thì mở bát, nếu mặt trên của 04 quân vị đều cùng màu hoặc số màu là số chẵn thì gọi là chẵn, nếu mặt trên của các quân có số lẻ thì gọi là lẻ, ai thắng thì được hưởng số tiền bằng đúng với số tiền đã đặt cửa được lấy từ những người thua của ván đó, nếu số tiền thắng thua của ván đó không đều nhau thì người đứng ra nhận sẽ có trách nhiệm trả cho người thắng. Đối với bảng vị được chia thành 04 ô, mỗi ô quy định một trường hợp cụ thể gồm: 04 mặt trắng ngửa, 04 mặt vàng ngửa, nếu đặt đúng thì tỷ lệ là 1 ăn 10, còn 03 mặt trắng ngửa, 01 mặt trắng sấp hoặc 03 mặt vàng ngửa 01 mặt vàng sấp và đúng thì tỷ lệ 1 ăn 3. Các đối tượng thỏa thuận mức đặt cửa thấp nhất là 100.000đ, cao nhất không giới hạn. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Đoàn D nhờ Đ xóc cái, khi này có Đ, Đoàn D, C, H, B, G, P, H1, H3 và L tham gia đánh bạc; H4 đứng ở bên ngoài cảnh giới, S tham gia cảnh giới và nấu phở cho những người đánh bạc ăn khi họ yêu cầu và thỉnh thoảng ra đuổi chó cho khỏi cắn khi có người đến chơi bạc; H5 và Q ngồi xem và cho các con bạc vay tiền khi cần; Nguyễn Thị P, Bùi Thị H và Trần Văn C chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Được khoảng 15 phút khi thấy T3 gọi điện thì Q bảo H4 ra đón T3, H2, T2 và Phan D. Đến nơi T2 và Phan D ngồi xuống đánh bạc cùng, còn T3 đưa cho H2 20.000.000đ và thỏa thuận để H2 trực tiếp chơi còn thắng, thua sẽ chia đôi mỗi người một nửa, sau đó H2 ngồi đánh bạc. Một lúc sau H4 thu tiền hồ của những người tham gia đánh bạc gồm H1, C, Đoàn D, Phan D, H2, B, H, T2, H3 và G mỗi người 500.000đ, tổng cộng của 10 người được 5.000.000đ. Đến khoảng 00 giờ ngày 29/9/2017 Hoàng Khắc T1 và Đỗ Ngọc T đến và T1 ngồi tham gia đánh bạc, còn Đỗ Ngọc T không chơi mà ngồi xem. Các bị cáo đánh bạc đến 01 giờ 00 phút ngày 29/9/2017 thì bị công an huyện K phát hiện bắt quả tang. Quá trình bắt giữ T1, P, Q, T, H5 và G chạy thoát. Cơ quan công an đã lập biên bản phạm tội quả tang đối với 15 đối tượng gồm S, H4, T, Đoàn D, Phan D, B, H1, T3, T2, H, H3, Đ, C, H2 và L.

Vật chứng thu giữ gồm: tiền thu tại chiếu bạc là 51.100.000đ, trong đó có 15.450.000đ ở giữa chiếu bạc và 35.650.000đ trên chiếu bạc tại vị trí ngồi của các đối tượng (gồm C 9.400.000đ, T2 16.900.000đ, H3 6.050.000đ, B 3.300.000đ); 02 chiếc chiếu cói; 01 chiếc vỏ chăn nhung màu đỏ, 01 chiếc đĩa sứ, 02 chiếc bát sứ; 04 quân vị hình tròn; 01 bảng vị; 01 chiếc kéo. Ngoài ra còn thu giữ trên người các đối tượng số tiền 61.800.000đ (gồm T3 23.500.000đ, Đoàn D 500.000đ, H4 5.000.000đ, P 28.300.000đ, L 3.800.000đ, H 700.000đ); thu giữ 18 chiếc điện thoại di động các loại đã qua sử dụng và 12 xe mô tô.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Đoàn Văn D, Bùi Văn Đ, Vũ Văn H1, Tô Xuân Q, Ngô Trường B, Trần Văn T2, Đỗ Đức T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Văn C, Trần Triệu H3, Phan Văn D, Vũ Xuân H, Hoàng Khắc T1 và Đinh Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo S và T áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo S được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 12.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 11.000.000 đồng;

Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Q và bị cáo C được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo T1, H và B được áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức T3 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2017 đến ngày 16/12/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Ngô Trường B 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Trần Triệu H3 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Tô Xuân Q 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Phan Văn D 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 9.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 9.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Hoàng Khắc T1 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/12/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 9.000.000 đồng;

Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H2 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án; phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị L 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án; phạt bổ sung bị cáo số tiền 9.000.000 đồng.

Giao bị cáo Bùi Thị H2 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình, bị cáo Đinh Thị L cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án treo và thử thách; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn áp dụng hình phạt đối với các bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị; quyết định xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/5/2018 bị cáo Đỗ Đức T3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Ngày 24/5/2018, Viện Trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS với nội dung: Kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình về phần áp dụng pháp luật và hình phạt đối với 14 bị cáo. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm nêu trên, không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với 14 bị cáo; không áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng Khắc T1, Ngô Trường B, Vũ Xuân H; tăng hình phạt đối với 14 bị cáo gồm 02 bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc” là Đỗ Văn S, Nguyễn Văn T và 12 bị cáo phạm tội “Đánh bạc” là Ngô Trường B, Vũ Văn H1, Trần Văn T2, Tô Xuân Q, Đỗ Đức T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Văn C, Trần Triệu H3, Phan Văn D, Vũ Xuân H, Hoàng Khắc T3, Đinh Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đỗ Đức T3 xác định bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng, mức hình phạt là phù hợp nên bị cáo xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo được thi hành hình phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa rút một phần quyết định kháng nghị về việc áp dụng pháp luật đề nghị vẫn áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Tô Xuân Q, Nguyễn Văn C, các nội dung khác vẫn giữ nguyên quan điểm như quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 24/5/2018 và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 12 tháng đến 13 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017, miễn phạt bổ sung bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 tháng đến 13 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung bị cáo số tiền 11.000.000 đồng;

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Văn H1, Trần Văn T2, Đỗ Đức T3, Trần Triệu H3, Ngô

Trường B, Phan Văn D mỗi bị cáo từ 24 tháng đến 25 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; giữ nguyên mức hình phạt bổ sung đã tuyên.

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Tô Xuân Q, từ 14 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2017; giữ nguyên mức hình phạt bổ sung đã tuyên.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 14 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; giữ nguyên mức hình phạt bổ sung đã tuyên.

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 12 tháng đến 14 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; giữ nguyên mức hình phạt bổ sung đã tuyên.

Xử phạt bị cáo Hoàng Khắc T3 12 tháng đến 14 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/12/2017; giữ nguyên mức hình phạt bổ sung đã tuyên.

Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H2 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng đến 48 tháng; Xử phạt bị cáo Đinh Thị L 12 tháng đến 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng đến 28 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày 26/4/2018; giữ nguyên mức hình phạt bổ sung đã tuyên. Giao bị cáo Bùi Thị H2, Đinh Thị L cho chính quyền địa phương nơi cư trú, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo đều xác định hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và đều tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là nghiêm khắc, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giữ nguyên mức hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở thành người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Đức T3 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đỗ Đức T3 tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Đức T3 theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt giữ người trong trường hợp phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra và kiểm tra tại phiên tòa đã có đủ căn cứ để kết luận: Đêm ngày 28/9/2017 các bị cáo Nguyễn Văn H4, Đỗ Văn S, Nguyễn Văn T đã tổ chức cho 18 người đánh "Xóc đĩa" sát phạt nhau bằng tiền tại nhà ở của Đỗ Văn S ở xóm 1x xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nguyễn Văn H4 là người chọn địa điểm, rủ rê, lôi kéo, đón người chơi đến địa điểm, phân công người canh giới, trực tiếp thu tiền hồ của những người chơi bạc. Đỗ Văn S là người sử dụng nhà ở của mình làm nơi đánh bạc, chuẩn bị công cụ chiếu, bát, đĩa, phục vụ ăn uống cho những người chơi bạc khi có nhu cầu. Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn H4 đón người chơi đến địa điểm đánh bạc, trực tiếp canh giới những người ra vào soi bạc. Những người tham gia đánh xóc đĩa gồm có: **Đoàn Văn D, Bùi Văn Đ**, Ngô Trường B, Vũ Văn H1, Trần Văn T2, Tô Xuân Q, Đỗ Đức T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Văn C, Trần Triệu H3, Phan Văn D, Vũ Xuân H, Hoàng Khắc T1, Đinh Thị L, **Nguyễn Văn H5, Trần Văn T, Trần Quý P, Trần Văn G**; các bị cáo đánh xóc đĩa từ 23 giờ 30 phút ngày 28/9/2017 đến 01 giờ ngày 29/9/2017 thì bị Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình phát hiện bắt quả tang, một số đối tượng bỏ trốn, thu giữ trên chiếu bạc 51.100.000 đồng, thu giữ trong người các bị cáo 5.700.000 đồng, cùng các công cụ 02 chiếu cói, 01 vỏ chăn, 01 chiếc đĩa, 02 bát sứ, 04 quân vị, 01 bảng vị, 01 chiếc kéo; quá trình điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh xóc đĩa là 89.100.000 đồng. Nguyễn Văn H4 thu tiền hồ của 10 người với tổng số tiền là 5.000.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như đã nêu trên bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo **Nguyễn Văn H4, Đỗ Văn S, Nguyễn Văn T** về tội "Tổ chức đánh bạc" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 và các bị cáo **Đoàn Văn D, Bùi Văn Đ**, Ngô Trường B, Vũ Văn H1, Trần Văn T2, Tô Xuân Q, Đỗ Đức T3, Bùi Thị H2, Nguyễn

Văn C, Trần Triệu H3, Phan Văn D, Vũ Xuân H, Hoàng Khắc T1, Đinh Thị L về tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 24/5/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:

Đối với các bị cáo Đỗ Văn S, Nguyễn Văn T bị bản án sơ thẩm xét xử về tội "Tổ chức đánh bạc" Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 249; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 10 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn T 10 tháng tù. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình kháng nghị đề nghị tòa phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Văn S, Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy trong nhóm các bị cáo phạm tội "Tổ chức đánh bạc" bản án sơ thẩm xác định Nguyễn Văn H4 là người chủ mưu, giữ vai trò chính nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất và xử phạt bị cáo 27 tháng tù là phù hợp. Các bị cáo Đỗ Văn S, Nguyễn Văn T tham gia trong đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực ngay từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang; Đỗ Văn S là người sử dụng nhà ở của mình làm nơi đánh bạc, chuẩn bị công cụ đánh bạc như chiếu cói, chăn, bát, đĩa sứ và phục vụ ăn uống cho những người chơi bạc khi có nhu cầu. Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Văn H4 đón nhiều người chơi đến nhà S đánh bạc, trực tiếp canh giới, canh gác để những người đến chơi bạc yên tâm đánh bạc. Các bị cáo S, T là người chưa có tiền án, tiền sự lần đầu phạm tội nhưng cả hai bị cáo đều giữ vị trí, vai trò quan trọng đáng kể trong đồng phạm của tội "Tổ chức đánh bạc". Bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo S, T phạm tội nghiêm trọng nhưng giữ vai trò thứ yếu trong vụ án để các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án; do áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không đúng dẫn đến việc bản án sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 cho các bị cáo Đỗ Văn S, Nguyễn Văn T hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 là không đúng pháp luật; Vì vậy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, tăng mức hình phạt đối với

Đỗ Văn S, Nguyễn Văn T là có căn cứ nên được chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 12.000.000 đồng đối với bị cáo Đỗ Văn S do hoàn cảnh gia đình khó khăn là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận, vì sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo S không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có quyết định kháng nghị theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Đối với các bị cáo Ngô Trường B, Vũ Văn H1, Trần Văn T2, Tô Xuân Q, Đỗ Đức T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Văn C, Trần Triệu H3, Phan Văn D, Vũ Xuân H, Hoàng Khắc T1, Đinh Thị L, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 24/5/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị Tòa phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46; Điều 47; không áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng Khắc T1, Ngô Trường B, Vũ Xuân H; tăng mức hình phạt đối với 12 bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy vụ án có đông bị cáo tham gia, các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, mức độ tham gia trong đồng phạm và nhân thân của từng bị cáo khác nhau, do vậy khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cần phải cá thể hóa trách nhiệm hình sự cho phù hợp. Trong số các bị cáo bị kháng nghị thì Ngô Trường B, Vũ Văn H1, Trần Văn T2, Bùi Thị H2, Nguyễn Văn C, Trần Triệu H3, Phan Văn D là những người trực tiếp tham gia đánh bạc rất tích cực, số tiền từng bị cáo đem theo và vay của các con bạc khác sử dụng để đánh bạc có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên, Ngô Trường B 21,8 triệu đồng, Vũ Văn H1 10 triệu đồng, Trần Văn T2 15 triệu đồng, Bùi Thị H2 20 triệu đồng, Nguyễn Văn C 11,2 triệu đồng, Trần Triệu H3 07 triệu đồng, Phan Văn D 5 triệu đồng, tổng số tiền các bị cáo trong vụ án sử dụng để đánh bạc có giá trị lớn 89.100.000 đồng; Vũ Văn H1 là người cùng Nguyễn Văn H5 đi lấy băng vị, chải chiếu, chặn, đưa vỏ bao thuốc lá cho Đoàn Văn D cắt quân vị phục vụ cho việc đánh bạc; các bị cáo Ngô Trường B, Phan Văn D đã từng bị xử lý hành chính. Tuy các bị cáo đều là người chưa có tiền án, lần đầu phạm tội, nhưng đều là những người tham gia thực hiện tội phạm tích cực, giữ vị trí, vai trò đáng kể trong vụ án "Đánh bạc". Bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo phạm tội nghiêm trọng nhưng giữ vai trò thứ yếu trong vụ án để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định

tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện; từ đó dẫn đến việc áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt các bị cáo Ngô Trường B, Vũ Văn H1, Trần Văn T2, Bùi Thị H2, Trần Triệu H3, Phan Văn D mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là không đúng pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Văn C do bị cáo là người tàn tật nặng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, hoàn cảnh gia đình khó khăn bố đẻ bị bệnh ung thư đang điều trị, vợ sắp sinh con. Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo C mức hình phạt dưới mức thấp nhất (2 năm) của khung hình phạt là đúng, nhưng phạt bị cáo 10 tháng tù là nhẹ không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, đồng thời tăng mức hình phạt đối với Ngô Trường B, Vũ Văn H1, Trần Văn T2, Bùi Thị H2, Trần Triệu H3, Phan Văn D; riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn C không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với các bị cáo Vũ Xuân H, Hoàng Khắc T3, Đinh Thị L, Tô Xuân Q, Đỗ Đức T3 tài liệu điều tra cũng như kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm xác định Tô Xuân Q, Đỗ Đức T3 không trực tiếp tham gia đánh bạc; Tô Xuân Q (là người tàn tật nặng) cho Nguyễn Văn C vay 10 triệu để đánh bạc thu lời 500.000 đồng, Đỗ Đức T3 đưa cho Bùi Thị H2 là bạn gái 20 triệu để H2 đánh bạc; Vũ Xuân H có 3 triệu đồng sử dụng đánh bạc thua hết ngồi xem các bị cáo khác chơi; Đinh Thị L có mặt tại sới bạc để đòi tiền H2 vay, tham gia chơi một ván với số tiền đặt cửa 100.000 đồng sau đó không chơi tiếp; Hoàng Khắc T3 là người đến sới bạc sau cùng, không đem theo tiền nên vay tiền nhờ Trần Văn G đặt cửa đánh 3 ván mỗi ván đặt 500.000 đồng khi đang chơi thì bị công an phát hiện bắt quả tang. So với các đồng phạm khác thì các bị cáo trên tham gia trong vụ án ở mức độ hạn chế hơn với vị trí, vai trò thứ yếu. Bản án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và các tình tiết giảm nhẹ khác như các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Tô Xuân Q là người tàn tật nặng; bị cáo Hoàng Khắc T3 đang là người trực tiếp phụng dưỡng chăm sóc bà nội là "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"; bị cáo Vũ Xuân H có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng

chiến là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, riêng bị cáo Q áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, từ đó áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng pháp luật. Xem xét mức hình phạt mà bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo trên thì thấy mức hình phạt 15 tháng tù đối với bị cáo Đỗ Đức T3; 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 18 tháng đối với bị cáo Đinh Thị L là phù hợp cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đỗ Đức T3, Đinh Thị L. Đối với mức hình phạt mà bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Vũ Xuân H, Hoàng Khắc T1, Tô Xuân Q thấp hơn rất nhiều so với mức khởi điểm của khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố là nhẹ chưa tương xứng với tính chất vụ án và hành vi mà các bị cáo thực hiện, hạn chế việc giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung; vì vậy nên chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tăng hình phạt đối với các bị cáo Vũ Xuân H, Hoàng Khắc T1, Tô Xuân Q. Bị cáo Tô Xuân Q đang bị tạm giam, bị cáo Hoàng Khắc T1 sau khi phạm tội bỏ trốn, cơ quan Điều tra phải ra lệnh truy nã mới bắt được Hoàng Khắc T1 do vậy không đủ điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đối với bị cáo Vũ Xuân H đã chấp hành xong mức hình phạt 7 tháng tù của bản án sơ thẩm bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 46, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần bắt bị cáo phải tiếp tục chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương với thời gian thử thách nhất định cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Trong vụ án này các bị cáo Đoàn Văn D, Bùi Văn Đ là những người giữ vai trò chính trong tội "Đánh bạc" đều là những người có nhân thân xấu bản án sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 24 tháng tù là mức khởi điểm của khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự là nhẹ, không tương xứng với vai trò và nhân thân của các bị cáo trong vụ án. Do các bị cáo không bị kháng nghị nên không có căn cứ để tăng hình phạt đối với các bị cáo này vì vậy cần kiến nghị để cấp giám đốc thẩm xem xét và rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm.

[6] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 342; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương đối với bị cáo Đỗ Đức T3.

2. Không chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 24/5/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đối với các bị cáo Đỗ Đức T3, Đinh Thị L.

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt Đỗ Đức T3 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2017 đến ngày 16/12/2017; phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt Đinh Thị L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày 26/4/2018; phạt bổ sung 9.000.000 (Chín triệu) đồng sung quỹ Nhà nước; giao bị cáo Đinh Thị L cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án treo và thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; trường hợp bị cáo Đinh Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Chấp nhận một phần kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 24/5/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình. Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số

20/2018/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt Đỗ Văn S 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017, phạt bổ sung 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017, phạt bổ sung 11.000.000 (Mười một triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt Vũ Văn H1 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Trần Văn T2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Ngô Trường B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Trần Triệu H3 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Phan Văn D 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung 9.000.000 (Chín triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt Bùi Thị H2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày 26/4/2018; phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước; giao bị cáo Bùi Thị H2 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án treo và thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; trường hợp bị cáo Bùi Thị H2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt Nguyễn Văn C 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/9/2017; phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, p khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt Tô Xuân Q 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/10/2017; phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt Vũ Xuân H 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày 11/7/2018; phạt bổ sung 9.000.000 (Chín triệu) đồng sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Vũ Xuân H cho Ủy ban nhân dân phường S, quận H, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án treo và thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; trường hợp Vũ Xuân H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. (Bị cáo Vũ Xuân H đã bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 29/9/2017 đến ngày 29/4/2018).

- Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt Hoàng Khắc T1 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/5/2018 là 05 (Năm) tháng, còn phải chấp hành là 07 (Bảy) tháng tù; phạt bổ sung 9.000.000 (Chín triệu) đồng sung quỹ nhà nước. Bị cáo Hoàng Khắc T1 đã chấp hành xong hình phạt bổ sung nộp 9.000.000 (Chín triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 2225 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/7/2018./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (3 bản)
- Phòng KTNV-THA (2 bản)
- TAND H K (5 bản)
- VKSND H K (1 bản)
- CA H K (1 bản)
- Chi cục THADS H K (1 bản)
- Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản)
- Bị cáo (14 bản)
- Trại tạm giam (5 bản)
- Sở Tư pháp (1 bản)
- Lưu hồ sơ (2 bản)
- Lưu tòa (1 bản)
- Lưu HCTP (1 bản)

(Thông báo cho chính quyền
địa phương nơi bị cáo cư trú)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành

